

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06-7-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đào Tuấn Điệp**
 Bà Nguyễn Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 140/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Quang Th, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố Cầu Tr, phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nambut K, sinh năm 1970, nơi cư trú: Flat A210 Wun Wah Huose Lok Wah Soath Estate Ngau Tau Kok Kowloon, Hồng Kông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:

Anh Th và chị Nambut K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày **23 tháng 3 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau ở Việt Nam được một thời gian thì chị Nambut K sang Hồng Kông để sinh sống và làm việc. Vợ chồng có dự định chung sống và làm ăn tại Hồng Kông nhưng do nhiều lý do nên anh không thể sang Hồng Kông đoàn tụ với chị Nambut K. Anh đã đề nghị chị Nambut K về Việt Nam cùng chung sống nhưng chị Nambut K không đồng ý. Thời gian vợ chồng xa cách đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều điểm khác biệt về quan điểm sống, cách sống và không tìm được tiếng nói chung. Đến thời gian gần đây, anh và chị Nambut K đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa anh và chị Nambut K đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nambut K.

Về con chung: Anh và chị Nambut K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản trình bày ý kiến của bị đơn gửi cho Tòa án, chị Nambut K trình bày:

Chị thống nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Bùi Quang Th. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn do cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Về con chung: Chị và anh Th không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị Nambut K đang ở nước ngoài; anh Th và chị Nambut K đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Quang Th và bị đơn chị Nambut K đều vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Quang Th và chị Nambut K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày **23 tháng 3 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng**, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Th hiện đang sống tại thành phố Hải Phòng, Việt Nam và Chị Nambut K hiện đang sinh sống tại Hồng Kông, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Bùi Quang Th đã nhận được các văn bản hợp lệ của Tòa án hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nambut K đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ủy quyền cho anh Th nhận văn bản tố tụng của Tòa án, tài liệu của chị đã được xác nhận bởi Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kông và Ma Cao. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th và chị Nambut K.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị Nambut K có thời gian chung sống cùng nhau tại Việt Nam hạnh phúc. Sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị

Nambut K sang Hồng Kông sinh sống và làm việc, còn anh Th ở lại Việt Nam. Vợ chồng xa cách nhau về địa lý ít có cơ hội đoàn tụ, bất đồng quan điểm sống, khác biệt về văn hoá nên không thể hòa hợp. Thời gian gần đây, hai người đã không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Th và chị Nambut K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Quang Th.

[4] Về con chung: Anh Th và chị Nambut K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Th và chị Nambut K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Quang Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Th và chị Nambut K được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Bùi Quang Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quang Th được ly hôn chị Nambut K.

2. Về con chung: Anh Th và chị Nambut K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Th và chị Nambut K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Quang Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số **0000512 ngày 08 tháng 6 năm 2022** tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Bùi Quang Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Chị Nambut K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND **quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng;**
- đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hải Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Tuấn Điệp Nguyễn Thị Vinh

Lương Thị Hải Hà

